

**CÔNG TY TNHH BQL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BQL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BQL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BQL CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0312587249

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 13/12/2013

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** 61/14/2 Đường số 8, Khu phố 5, Phường Trường Thọ,  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0903 779 175

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất máy thông dụng khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                        | 2819                                                         |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                           | 4321                                                         |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                      | 3312                                                         |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                         | 3320                                                         |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4322                                                         |
| 6.  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động<br>(không hoạt động tại trụ sở)                        | 2814                                                         |
| 7.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                      | 2511                                                         |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(trừ thiết kế công trình)                                                                         | 7410                                                         |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390                                                         |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                              | 4311                                                         |
| 11. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                       | 2829                                                         |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                               | 4100                                                         |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                  | 4329                                                         |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                           | 4210                                                         |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659                                                         |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312                                                         |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                        | 2592(Chính)                                                  |
| 18. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                          | 3311                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4290                                                         |
| 20. |                                                                                                                                     | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ(%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | CAO XUÂN BÌNH  | ấp 7, Xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam                      | 1.330.000.000   | 70,00    | 285125514                                                                                                             |
| 2   | CAO XUÂN ĐỊNH  | Thôn Ngọc Diêm, Xã Quảng Chính, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam          | 570.000.000     | 30,00    | 172129508                                                                                                             |

### 9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ và tên: CAO XUÂN BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 20/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285125514

Ngày cấp: 28/08/2002

Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 7, Xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 517/41 Phạm Ngũ Lão, Tổ 95, Khu 5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### 10. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh